

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST

Ngày 11/7/2018

V/v “*Tranh chấp chia thừa kế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP.ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Kinh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Xoa**

2. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 219/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15A/2018/QĐXXST-DS ngày 18.4.2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1976 - Trú tại: Số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị L** - Trú tại: 27 Đường T, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị **Bùi Thị Mai P** - Sinh năm 1994 - Trú tại: Số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H theo giấy ủy

quyền do Ủy ban nhân dân phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng chứng thực ngày 10/7/2018.

- Cháu **Bùi Thị Thảo G** - Sinh năm 2005; **Bùi Thị Thảo Q** - Sinh năm 2005. Cùng trú tại: Số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện hợp pháp của hai cháu là bà Nguyễn Thị H (là mẹ ruột)

- Ông **Bùi Văn O** - Trú tại: 12 Đường A, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

- Ông **Bùi V. N** - Trú tại: 59 Đường K, phường L, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

- Bà **Bùi Thị X** - Trú tại: 06 Đường Đ, phường U, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

- Bà **Bùi Thị Z** - Trú tại: Phường Tr, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

- Bà **Bùi Thị J**, ông **Bùi Văn G**, ông **Bùi Văn V**. Cùng trú tại: 27 Đường T, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Bùi Văn T có một khối tài sản gồm nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK907381, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 28, diện tích 60m² được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25 tháng 10 năm 2012.

Vợ chồng ông bà có 03 con chung là: **Bùi Thị Mai P** - Sinh năm 1994; **Bùi Thị Thảo G** - Sinh năm 2005; **Bùi Thị Thảo Q** - Sinh năm 2005. Năm 2006, ông Bùi Văn T chết không để lại di chúc. Nay bà H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với ½ nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

do ông T để lại theo quy định của pháp luật. Bà yêu cầu được nhận nhà và đất để ở và thối trả lại cho các đồng thừa kế khác.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Nguyễn Thị L (là mẹ chồng bà H) trình bày: Nguồn gốc nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng là của bà cho con trai Bùi Văn T và con dâu Nguyễn Thị H. Năm 2006, ông Bùi Văn T chết không để lại di chúc. Nay bà H yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do ông T để lại theo quy định của pháp luật thì bà L cũng đồng ý với việc phân chia di sản trên. Bà L muốn phần bà được hưởng sẽ cho 03 cháu là Bùi Thị Mai P, Bùi Thị Thảo G, Bùi Thị Thảo Q.

Tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 11 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ L - là Bùi Thị Mai P, Bùi Thị Thảo G, Bùi Thị Thảo Q đều trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H, đồng ý với yêu cầu chia thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng của ông T để lại theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: ông Bùi Văn O, ông Bùi V. N, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Z, bà Bùi Thị J, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn V đều không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là Nguyễn Thị L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là : ông Bùi Văn O, ông Bùi V. N, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Z, bà Bùi Thị J, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn V vẫn tiếp tục vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến :

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể:

- Thủ lý vụ án dân sự “*Tranh chấp thừa kế*” đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ tố tụng giữa những người tham gia tố tụng theo đúng Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện và thủ lý vụ án theo đúng quy định tại Điều 191, 195, 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho đương sự các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đầy đủ nội dung, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, thư ký tại phiên tòa: HĐXX, Thư ký đã thực hiện theo đúng nguyên tắc xét xử, đúng thành phần và các quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội thẩm nhân dân là chấp hành đúng quy định tại Điều 49 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Thực hiện đầy đủ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc phân chia di sản thừa kế đối với ½ nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bằng hiện vật là không thể thực hiện được. Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng được nhận di sản bằng hiện vật và sẽ bồi trả cho các đồng thừa kế giá trị kỷ phần tương ứng được hưởng. Xét thấy nguyện vọng của bà H là chính đáng và phù hợp với đa số ý kiến của các đồng thừa kế. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế” của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

1. Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và quyết định tạm ngưng phiên tòa cho bị đơn là bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Văn O, ông Bùi V. N, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Z, bà Bùi Thị J, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn V nhưng đều vắng mặt, không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

3. Về thời hiệu khởi kiện chia thừa kế: Ông Bùi Văn T mất ngày 22/8/2006, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T theo quy định của pháp luật vào ngày 20/9/2017, căn cứ Điều 623 BLDS năm 2015 vụ án vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[II] Về nội dung:

1. Xét yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị H đối với di sản của ông Bùi Văn T để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T có đăng ký kết hôn vào năm 1994, trong quá trình chung sống ông bà có 03 con chung gồm:

1. Bà Bùi Thị Mai P - Sinh năm 1994;
2. Bùi Thị Thảo G - Sinh năm 2005;
3. Bùi Thị Thảo Q - Sinh năm 2005.

Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn T có khối tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà

Năng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK907381, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 28, diện tích 60m² được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25 tháng 10 năm 2012.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 07/3/2018 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và dịch vụ tài chính Đà Nẵng xác định:

- Giá trị quyền sử dụng đất là: 1.491.000 đồng;
- Giá trị quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là: 204.960.000 đồng

Tổng cộng giá trị nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng có giá trị là 1.695.960.000 đồng.

Ngày 22/8/2006, ông Bùi Văn T chết không để lại di chúc nên di sản để lại của ông T được xác định là $\frac{1}{2} \times 1.695.960.000 \text{ đồng} = 847.980.000 \text{ đồng}$.

Những người được hưởng thừa kế do ông Bùi Văn T để lại theo quy định tại Điều 651 BLDS năm 2015 gồm có:

- 1/ Bà Nguyễn Thị L;
- 2/ Ông Bùi Văn N.g (là Cha ruột ông Bùi Văn T mất năm 2007);
- 3/ Bà Nguyễn Thị H;
- 4/ Bà Bùi Thị Mai P;
- 5/ Cháu Bùi Thị Thảo G;
- 6/ Cháu Bùi Thị Thảo Q.

Vì ông Bùi Văn N.g mất năm 2007, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N.g gồm có:

- 1/ Bà Nguyễn Thị L;
- 2/ Ông Bùi Văn O;
- 3/ Ông Bùi V. N;
- 4/ Bà Bùi Thị X;

5/ Bà Bùi Thị Z;

6/ Bà Bùi Thị J;

7/ Ông Bùi Văn G;

8/ Ông Bùi Văn V;

9/ Ông Bùi Văn T (mất năm 2006). Do đó, thừa kế thế vị của ông T gồm: Cháu Bùi Thị Mai P, Bùi Thị Thảo G và Bùi Thị Thảo Q.

Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và có trách nhiệm bồi trả cho các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần tương ứng được hưởng.

HĐXX thấy nguyện vọng của bà H phù hợp với quy định của pháp luật và đạo G xã hội, do vậy căn cứ Điều 660 BLDS năm 2015 giao cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý và sử dụng nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm bồi trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Văn N.g (đã mất), cháu Bùi Thị Mai P, cháu Bùi Thị Thảo G, cháu Bùi Thị Thảo Q mỗi người số tiền 141.330.000 đồng.

Ông Bùi Văn N.g mất năm 2007 nên bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ bồi trả cho những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Bùi Văn N.g. Bao gồm :bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Văn O, ông Bùi V. N, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Z, bà Bùi Thị J, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn V mỗi người là 15.703.333 đồng và bồi trả cho các cháu Bùi Thị Mai P, cháu Bùi Thị Thảo G, cháu Bùi Thị Thảo Q mỗi cháu 5.234.444 đồng (15.703.333 đồng : 3). Do vậy, bà H có trách nhiệm phải bồi trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 157.033.333 đồng; bồi trả cho các cháu Bùi Thị Mai P, cháu Bùi Thị Thảo G, cháu Bùi Thị Thảo Q mỗi cháu là 146.564.444 đồng; bồi trả cho ông Bùi Văn O, ông Bùi V. N, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Z, bà Bùi Thị J, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn V mỗi người 15.703.333 đồng.

Đối với cháu Bùi Thị Thảo G và cháu Bùi Thị Thảo Q đều sinh năm 2005 (vẫn chưa thành niên) nên bà Nguyễn Thị H là người đại diện theo pháp luật. Do đó, trong

trường hợp này kỷ phần thừa kế mà cháu G và cháu Q được hưởng sẽ giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý cho đến khi đủ 15 tuổi theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Bà Nguyễn Thị H, bà Bùi Thị Mai P, ông Bùi Văn O, ông Bùi V. N, bà Bùi Thị X, bà Bùi Thị Z, bà Bùi Thị J, ông Bùi Văn G, ông Bùi Văn V mỗi người phải chịu theo quy định của pháp luật.

Riêng bà Nguyễn Thị L và cháu Bùi Thị Thảo G, Bùi Thị Thảo Q được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đối với chi phí thẩm định giá là 6.240.000 đồng và xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng bà Nguyễn Thị H tự nguyện chịu đã nộp đủ và chi xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 623 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế” của bà Nguyễn Thị H đối với bà Nguyễn Thị L.

Xử:

I. Công nhận $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK907381, thửa đất số 89, tờ bản đồ số 28, diện tích 60 m² được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/10/2012 cho ông

Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị H là di sản của ông Bùi Văn T - Sinh năm 1969 đã chết vào ngày 22/8/2006 theo giấy chứng tử số 20 ngày 23/8/2006 có giá trị là 847.980.000 đồng.

Những người thừa kế của ông Bùi Văn T gồm:

1. Bà Nguyễn Thị L;
2. Ông Bùi Văn N.g (mất năm 2007);
3. Bà Nguyễn Thị H;
4. Bà Bùi Thị Mai P;
5. Cháu Bùi Thị Thảo G;
6. Cháu Bùi Thị Thảo Q.

Vì ông Bùi Văn N.g mất năm 2007, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N.g gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị L;
2. Ông Bùi Văn O;
3. Ông Bùi V. N;
4. Bà Bùi Thị X;
5. Bà Bùi Thị Z;
6. Bà Bùi Thị J;
7. Ông Bùi Văn G;
8. Ông Bùi Văn V;

9. Ông Bùi Văn T (mất năm 2006). Do đó, thừa kế thế vị của ông T gồm: Cháu Bùi Thị Mai P, Bùi Thị Thảo G và Bùi Thị Thảo Q.

II. Giao toàn bộ nhà và đất tại địa chỉ số 04 Đường S, phường C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý và sử dụng.

Bà Nguyễn Thị H có quyền và nghĩa vụ L hệ với cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu và sử dụng riêng biệt đối với nhà và đất nói trên.

Bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm bồi trả cho các thừa kế khác, cụ thể như sau:

- 1/ Bồi trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 157.033.333 đồng.
- 2/ Bồi trả cho cháu Bùi Thị Mai P số tiền là 146.564.444 đồng.
- 3/ Bồi trả cho cháu Bùi Thị Thảo G số tiền là 146.564.444 đồng.
- 4/ Bồi trả cho cháu Bùi Thị Thảo Q số tiền là 146.564.444 đồng.
- 5/ Bồi trả cho ông Bùi Văn O số tiền là 15.703.333 đồng.
- 6/ Bồi trả cho ông Bùi V. N số tiền là 15.703.333 đồng.
- 7/ Bồi trả cho bà Bùi Thị X số tiền là 15.703.333 đồng.
- 8/ Bồi trả cho bà Bùi Thị Z số tiền là 15.703.333 đồng.
- 9/ Bồi trả cho bà Bùi Thị J số tiền là 15.703.333 đồng.
- 10/ Bồi trả cho ông Bùi Văn G số tiền là 15.703.333 đồng.
- 11/ Bồi trả cho ông Bùi Văn V số tiền là 15.703.333 đồng.

Giao bà Nguyễn Thị H quản lý tài sản của cháu Bùi Thị Thảo G và cháu Bùi Thị Thảo Q và giao lại cho đến khi hai cháu đủ tuổi 15 tuổi theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

III. Về án phí:

1/ Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền là: 7.066.500 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 009814 ngày

16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà H còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 4.566.500 đồng.

2/ Chị Bùi Thị Mai P phải chịu số tiền là 7.328.222 đồng.

3/ Ông Bùi Văn O phải chịu số tiền là 785.167 đồng.

4/ Ông Bùi V. N phải chịu số tiền là 785.167 đồng.

5/ Bà Bùi Thị X phải chịu số tiền là 785.167 đồng.

6/ Bà Bùi Thị Z phải chịu số tiền là 785.167 đồng.

7/ Bà Bùi Thị J phải chịu số tiền là 785.167 đồng.

8/ Ông Bùi Văn G phải chịu số tiền là 785.167 đồng.

9/ Ông Bùi Văn V phải chịu số tiền là 785.167 đồng.

10/ Bà Nguyễn Thị L, Bùi Thị Thảo G, Bùi Thị Thảo G thuộc trường hợp người cao tuổi; trẻ em nên được miễn nộp tiền án phí.

IV. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án được giao hoặc được niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Kinh Luân